

CHƯƠNG V

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

NỘI DUNG

2

- Phần 1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật
- Phần 2. Phân loại quan hệ pháp luật
- Phần 3. Thành phần của quan hệ pháp luật
- Phần 4. Sự kiện pháp lý

PHẦN 1

KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

Khái niệm

4

Quan hệ pháp luật là những QHXXH chịu sự điều chỉnh của các QPPL tương ứng từ đó làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên chủ thể tham gia vào QHPL đó và được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước.

Lưu ý

5

- QPPL là cơ sở cho việc hình thành QHPL nhưng vẫn có ngoại lệ. Ví dụ những phát sinh trong quan hệ dân sự, cái mà cần đến tập quán pháp, nguyên tắc, án lệ, lẽ công bằng để điều chỉnh.

Đặc điểm

6

- QHPL phải là QHXXH. Không phải tất cả QHXXH đều là QHPL.
- QHPL là QHXXH có ý chí. Ý chí này có thể là ý chí của các bên hoặc ý chí của nhà nước đặt ra.
- QHPL là QHXXH chịu sự điều chỉnh bởi QPPL.
- Chủ thể tham gia QHPL có các quyền và nghĩa vụ pháp lý được nhà nước đảm bảo thực hiện.

PHẦN 2

PHÂN LOẠI QUAN HỆ PHÁP LUẬT

Căn cứ - Các loại

8

- Căn cứ vào tiêu chí phân chia các ngành luật điều chỉnh QHPL, có QHPL DS, QHPL HS, QHPL HC ...
- Căn cứ vào tính chất của chủ thể QHPL, có QHPL công và QHPL tư.
- Căn cứ vào nội dung, có QHPL nội dung (QH hợp đồng, QH lao động), QHPL hình thức (QHPL TTDS, QHPL TTHS).

PHẦN 3

THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

NỘI DUNG CHÍNH

10

- Chủ thể QHPL: cá nhân (công dân, người nước ngoài, NKQT), tổ chức (pháp nhân, không có tư cách pháp nhân).

Năng lực chủ thể (năng lực pháp luật, năng lực hành vi)

- Khách thể QHPL: lợi ích về vật chất, tinh thần của các bên mong muốn đạt được khi tham gia QHPL. Khách thể của QHPL không đồng nhất với khách thể của VPPL.
- Nội dung QHPL: quyền pháp lý, nghĩa vụ pháp lý

Năng lực chủ thể

11

Năng lực pháp luật: là khả năng cá nhân, tổ chức có quyền, nghĩa vụ pháp lý do nhà nước quy định. NLPL phát sinh khi nào? Lưu ý: trường hợp NLPL của cá nhân *phát sinh trước thời điểm được sinh ra hoặc bị hạn chế*.

Năng lực hành vi:

+ của cá nhân: dựa trên tuổi, khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, tình trạng thể lực.

+ của tổ chức: xuất hiện từ lúc thành lập đến khi chấm dứt hoạt động. Lưu ý: thông qua người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

Quyền, nghĩa vụ pháp lý

12

- Quyền pháp lý: là phạm vi giới hạn cách cư xử của các chủ thể được pháp luật cho phép thực hiện khi tham gia vào QHPL.
 - + Là khả năng được xử sự theo cách thức nhất định mà pháp luật cho phép.
 - + Là khả năng yêu cầu các chủ thể khác *thực hiện nghĩa vụ pháp lý nhằm thỏa mãn quyền của mình hoặc chấm dứt các hành vi cản trở việc thực hiện các quyền của mình.*
 - + Là khả năng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ lợi ích chính đáng của mình khi có hành vi vi phạm xảy ra.

Quyền, nghĩa vụ pháp lý

13

- Nghĩa vụ pháp lý: là cách xử sự mà PL bắt buộc chủ thể trong QHPL phải thực hiện nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền của chủ thể khác.

Lưu ý:

Quyền pháp lý không vô hạn mà thường bị giới hạn bởi lợi ích quốc gia, dân tộc, công cộng.

Trong QHPL, các chủ thể có quyền và nghĩa vụ qua lại với nhau.

PHẦN 4

SỰ KIẾN PHÁP LÝ

NỘI DUNG CHÍNH

15

- Khái niệm

- Phân loại

Sự biến

Hành vi

Khái niệm

16

- Sự kiện pháp lý là những sự kiện xảy ra trong thực tế đã được pháp luật dự liệu trong QPPL có tác dụng làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt QHPL cụ thể.
- Lưu ý: Mối quan hệ giữa SKPL và QPPL
- Đây là điều kiện đủ để làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt một QHPL cụ thể. (Điều kiện cần là QPPL và năng lực chủ thể)

Phân loại SKPL

17

- ❖ **Sự biến:** là những sự kiện phát sinh không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người nhưng lại làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt một QHPL do đã được PL dự liệu trước.
- ❖ **Hành vi:** là những xử sự của con người, phát sinh phụ thuộc vào ý chí của con người. Gồm: hành vi hành động (chủ động), hành vi không hành động (thụ động); hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp.